

Bản án số: 118/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 08 - 6 - 2023

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Phương.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Thịnh và bà Đỗ Thị Thanh Xuân.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Ngô Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 87/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023 về Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2023/QĐXX - ST ngày 30 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đào Văn T, sinh năm 1986.

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn B, xã T, huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1987.

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn B, xã T, huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Đào Văn T trình bày:

Anh với chị Nguyễn Thị T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 28 tháng 8 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn B, xã T. Vợ chồng chung sống đến cuối năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hòa hợp về tính cách, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong sinh hoạt gia đình, làm ăn kinh tế mỗi người một chí hướng không tìm được tiếng nói chung, không có sự tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng cãi vã, xúc phạm nhau thậm chí nhiều lần còn xảy ra xô xát. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng phai nhạt nên năm 2015 cả hai tự sống ly thân đến nay không còn quan tâm cuộc sống của nhau.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức... nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Đào Thanh H, sinh ngày 15/6/2010 và Đào Nhật T2, sinh ngày 18/10/2012 hiện đều đang ở cùng anh. Ly hôn anh đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về công nợ chung vợ chồng: Không có nên anh không yêu cầu Tòa giải quyết

Tại các bản trình bày và biên bản lấy lời khai phía bị đơn chị Nguyễn Thị T1 trình bày:

Chị với anh Đào Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Phú Xuyên. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với nhau tại thôn B, xã T. Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hơn nữa chị nghi ngờ anh T không chung thủy vợ chồng từ đó vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên năm 2015 vợ chồng sống ly thân đến nay.

Mặc dù chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức nhưng chị không đồng ý ly hôn với lý do chị theo đạo nếu ly hôn là lỗi đạo

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Đào Thanh H, sinh ngày 15/6/2010 và Đào Nhật T2, sinh ngày 18/10/2012. Ly hôn chị để anh T nuôi dưỡng cả hai con chung và xin tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về công nợ chung vợ chồng: Không có nên chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đại diện VKSND tham gia phiên toà xác định:

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng; Đương sự vắng mặt đã được Tòa án tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; Đương sự có mặt đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà...

Do mâu thuẫn đã trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của anh Đào Văn T và áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử: Cho anh Đào Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị T1; về con chung giao anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung là Đào Thanh H, sinh ngày 15/6/2010 và Đào Nhật T2, sinh ngày 18/10/2012; tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con cho chị T1; tài sản chung các bên đều không đề nghị Tòa xét nên không xét; công nợ chung các bên đều khẳng định không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện VKSND, HĐXX nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Đây là vụ kiện Hôn nhân và gia đình tranh chấp về ly hôn theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã T, huyện Phú Xuyên nên TAND huyện Phú

Xuyên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn chị Nguyễn Thị T11: Quá trình tố tụng chị T1 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt bị đơn chị T là đúng quy định tại các Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Đào Văn T và chị Nguyễn Thị T1 là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội (Đăng ký kết hôn số 50, quyển số 01/2008, ngày 28/8/2008). Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn kéo dài nhiều năm kể từ cuối năm 2012 do bất đồng quan điểm trong cuộc sống cộng với tính cách không hòa hợp mỗi bên, không tôn trọng, tin tưởng nhau trong cuộc sống, từ đó nảy sinh những xung đột mà đỉnh điểm mâu thuẫn vợ chồng từ năm 2015 khiến cả hai tự sống ly thân, chấm dứt mối quan hệ tình cảm vợ chồng cho đến nay.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị T1 đã đến mức trầm trọng bởi tình cảm vợ chồng thực sự không còn do thời gian mâu thuẫn, sống ly thân đã lâu, đời sống vợ chồng không có cơ hội hàn gắn bởi từ hai phía đều không ai mong muốn đoàn tụ, mục đích hôn nhân là hạnh phúc gia đình vì thế không đạt được, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức, không còn ý nghĩa.... Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của anh T về ly hôn chị T1 là có căn cứ, nên áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho anh T được ly hôn chị T1.

Về con chung: Anh T, chị T1 có 02 con chung là Đào Thanh H, sinh ngày 15/6/2010 và Đào Nhật T2, sinh ngày 18/10/2012; do kể từ khi vợ chồng ly thân 02 con chung do anh T trực tiếp nuôi dưỡng; mặt khác phía chị T1 có quan điểm ly hôn để anh T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và xin tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo quyền lợi tốt nhất và tính ổn định trong sự phát triển của con chung, căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của anh T về nuôi dưỡng cả 02 con chung là hợp lý và ghi nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các bên đều không đề nghị Tòa xét nên Tòa không xét.

Về công nợ chung: Các bên đều khẳng định vợ chồng không có công nợ chung nên Tòa không xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn anh T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh T và bị đơn chị T1 có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Đào Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị T1.

2. Về con chung: Giao 02 con chung của anh Đào Văn T và chị Nguyễn Thị T1 là Đào Thanh H, sinh ngày 15/6/2010 và Đào Nhật T2, sinh ngày 18/10/2012 cho anh Đào Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tạm hoãn cho chị Nguyễn Thị T1 việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi có yêu cầu hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị T1 có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Các bên đều không đề nghị xem xét nên không xét.

4. Về án phí: Anh Đào Văn T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0048172 ngày 13/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên. Anh T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, báo nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Phú Xuyên;
- VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Phú Xuyên;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Anh Phương